

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Lưu;

2. Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 145/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu H**, sinh năm 1989. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

Nơi cư trú: **Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1986. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H** trình bày:*

Chị và anh **Nguyễn Ngọc A** qua thời gian tìm hiểu nhau khoảng gần 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 12/3/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**). Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Vợ

chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chồng hay ghen tuông, chơi bời, nợ nần, thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng, xúc phạm nhau, chồng có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, căng thẳng. Sau khi phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng vẫn không thể dung hòa được và chị **H** cảm thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc A**.

- Về con chung: Chị **Hoàng Thị Thu H** xác định có hai con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 05/3/2014 và cháu **Nguyễn Thị Thu D**, sinh ngày 11/6/2016. Hiện tại hai con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị **H** có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu **K** và cháu **D** cho đến khi hai cháu thành niên. Chị **H** không yêu cầu anh **Ngọc A** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị **Hoàng Thị Thu H** xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Nguyễn Ngọc A** trình bày:*

Anh xác nhận vợ chồng anh có đăng ký kết hôn như chị **Hoàng Thị Thu H** trình bày.

Trong thời gian chung sống giữa anh và chị **H** có xảy ra mâu thuẫn do anh nóng tính nên đã xúc phạm vợ. Sau khi phát sinh mâu thuẫn anh đã biết sai và đã cố gắng để sửa chữa nhưng chị **H** vẫn không đồng ý. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay vẫn đang sống ly thân. Trong cuộc sống hôn nhân có nhiều việc anh **Ngọc A** đã sai nhưng anh đã nhận ra lỗi lầm và đã cố gắng để khắc phục nên anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị **H**, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chung sống, nuôi dạy hai con.

- Về con chung: Anh **Nguyễn Ngọc A** xác định có hai con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 05/3/2014 và cháu **Nguyễn Thị Thu D**, sinh ngày 11/6/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh **Ngọc A** đã đồng ý chuyển hai cháu lên nhà ngoại sinh sống và học hành. Trong trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh **Ngọc A** có nguyện vọng được nuôi hai cháu **K** và cháu **D** cho đến khi thành niên. Anh **Ngọc A** không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Anh **Nguyễn Ngọc A** xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tháng 9 năm 2023, chị đã từng nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Du để yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **Ngọc A** nhưng đến tháng 11 năm 2023 chị đã rút đơn để anh **Ngọc A** khắc phục, sửa chữa sai lầm, hoàn thiện bản thân để tập trung làm ăn lo cho vợ con. Từ sau khi rút đơn đến nay anh **Ngọc A** vẫn không sửa đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cảm thấy mệt mỏi với cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu **Nguyễn Đình K** và **Nguyễn Thị Thu D** cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh **Ngọc A** cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại các con đang sống ổn định cùng chị tại nhà ông bà ngoại từ tháng 8/2023 đến nay; chị hiện đang làm việc tại **Công ty Cổ phần S**, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu ăn học. Hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Đối với anh **Nguyễn Ngọc A** giành nuôi con nhưng lại không có đủ điều kiện nuôi dưỡng, về thu nhập hằng tháng của anh **Ngọc A** bao nhiêu thì chị không được biết. Hơn nữa, thường ngày anh **Ngọc A** đi làm từ 07 giờ sáng đến 19 giờ tối chưa về đến nhà, mẹ chồng là bà **Nguyễn Thị T** cũng đi làm công ty từ 07 giờ sáng đến 21 giờ tối mới về nên việc anh **Ngọc A** giành nuôi hai con sẽ không bảo đảm về sự phát triển bình thường, học hành của hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Nguyễn Ngọc A** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị **Hoàng Thị Thu H**.

Về con chung: Trong trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu **Nguyễn Đình K** và **Nguyễn Thị Thu D** cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con vì khi sống với nhà ngoại, cháu **Đình K** có nói với anh **Ngọc A** là bị ông ngoại đánh. Hiện tại, anh đang đi làm và cũng có thu nhập ổn định, anh đang sống cùng mẹ đẻ tại **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu **K** và cháu **D** ăn học.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như khi lên Tòa làm việc không ký vào các

biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/6/2024.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc A**.

- Về con chung: Có hai con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 05/3/2014 và cháu **Nguyễn Thị Thu D**, sinh ngày 11/6/2016. Giao cháu **Đình K** cho anh **Nguyễn Ngọc A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Giao cháu **Thu D** cho chị **Hoàng Thị Thu H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với anh **Nguyễn Ngọc A** có hộ khẩu thường trú tại **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01/2014 đăng ký ngày 12/3/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** thì hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** đã xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cách ứng xử giữa hai vợ chồng không còn hòa hợp, anh chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng, có những lời lẽ, hành động xúc phạm làm tổn thương nhau dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Hơn nữa, chị **H** đã nộp đơn xin ly hôn anh **Ngọc A** nhưng sau đó đã rút đơn và được Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2023 để anh **Ngọc A** khắc phục, sửa chữa sai lầm, hoàn thiện bản thân để tập trung làm ăn lo cho vợ con nhưng cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm, không có sự đồng cảm, không chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ những công việc trong gia đình. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hoàng Thị Thu H**.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Bản sao giấy khai sinh số 28, quyền số 01/2014 đăng ký ngày 12/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **T**, tỉnh **Bắc Ninh** và Bản sao giấy khai sinh số 52 đăng ký ngày 20/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **T**, tỉnh **Bắc Ninh** cùng lời khai của đương sự đã có đủ cơ sở để khẳng định: Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** có hai con chung là cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 05/3/2014 và cháu **Nguyễn Thị Thu D**, sinh ngày 11/6/2016. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị **Hoàng Thị Thu H** tại nhà ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị **H** và anh **Ngọc A** đều có nguyện vọng nuôi hai cháu.

Xét về điều kiện nuôi con, chị **H** và anh **Ngọc A** đều có công việc ổn định và đều có điều kiện kinh tế đầy đủ để nuôi các con. Tại bản tự khai, hai cháu **Đình K** và **Thu D** đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, cháu **Thu D** là con gái đang trong lứa tuổi vị thành niên nên cần sự quan tâm, chia sẻ của mẹ nên giao cháu **Thu D** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu **Đình K** là con trai nên cần sự quan tâm, chia sẻ của bố nên giao cháu **K** cho anh **Ngọc A** trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo hai bên có đủ thời gian, điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng các con tốt nhất, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và khả năng chăm sóc con của hai bên theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu H**:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Ngọc A**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Đình K**, sinh ngày 05/3/2014 cho anh **Nguyễn Ngọc A** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Giao cháu **Nguyễn Thị Thu D**, sinh ngày 11/6/2016 cho chị **Hoàng Thị Thu H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị **H** và anh **Ngọc A** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Hoàng Thị Thu H** phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23; số 0001366 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Chị **H** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Nguyễn Ngọc A** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã Cảnh Hưng,
huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang